

ĐÔI ĐIỀU VỀ TÍN NGƯỠNG CỦA DÂN TỘC THÁI Ở TÂY BẮC VIỆT NAM

HOÀNG TUẤN CU^{**}

Thái là một tộc người thuộc ngữ hệ Tày-Thái, gồm 8 dân tộc: Tày, Thái, Nùng, Giáy, Lào, Lự, Sán Chay và Bố Y ở Việt Nam. Việc nghiên cứu Văn hoá Thái ở Việt Nam đã được các nhà dân tộc học, văn hoá học, các nhà Thái học triển khai từ khá lâu. Việc sưu tầm, ghi chép, nghiên cứu đã diễn ra khá rầm rộ, đầy đủ từ những năm đầu của thập kỉ 70 thế kỉ XX. Từ sau khi thống nhất đất nước – Nam-Bắc liền một dải - đến nay, nhiều công trình nghiên cứu văn hoá Thái đã ra đời, song như thế vẫn chưa đủ so với vốn văn hoá truyền thống rất phong phú của dân tộc này. Còn một thứ văn hoá chưa được các nhà khoa học đả động đến. Đó là văn hoá tâm linh của dân tộc Thái nói chung và văn hoá tín ngưỡng nói riêng được biểu hiện sinh động dưới nhiều dạng vẻ khác nhau trong đời sống tinh thần của họ.

I. QUAN NIỆM VỀ THẾ GIỚI MA (PHI) HỒN (KHOẢN) TRỜI (THEN) Ở NGƯỜI THÁI

Người Thái cho rằng: sự sống của con người là do *hồn* và *xác* kết hợp với nhau hài hoà, cùng tồn tại. Nếu một trong hai yếu tố đó mất đi thì không có sự sống.

Hồn thì do bà mẹ (me bầu) nặn rồi cho vào khuôn đúc bởi 5 chất là: *kèo, kók, sanh, minh, nén* nghĩa là *cốt, cách, thể, hồn, mệnh*. Còn xác con người được cấu tạo bởi 5 chất: *nặng, pháy, đin, cãm, mạy* nghĩa là *đất, nước, lửa, vàng, cây*.

Thật li kì và thú vị.

Khi đúc xong, khuôn *hồn* của mỗi *hồn* người gọi là *thuổi bầu (bát bầu)* được lưu giữ lại tại nhà kho của bà mẹ mừng trời (mường then). Bà mẹ cho *hồn* xuống trần gian tìm nhập vào xác dưới hạ giới để thành người với thời hạn là 100 năm. Và, khi bà mẹ thả *hồn* xuống thì có *hồn* đi đứng đĩnh, nghỉ ngơi, chơi bời giữa đường, tạt vào quán xá... khi đến cõi trần gian lại ngao du đó đây chán chê mê mải rồi mới nhập vào xác, vì thế mà chết yếu, chết non vì đã hết hạn làm người. Có *hồn* đi thẳng một mạch từ cõi trời xuống trần gian nhập xác đầu thai ngay nên sống 100 tuổi.

Còn việc sinh ra giới tính, tính tình, hình thể, tốt-xấu thì họ quan niệm: bà mẹ lấy 5 chất: *cốt, cách, thể, hồn, mệnh* đúc ra *hồn* của từng người nhưng lại không cân đong, đo đếm cụ thể về tỉ lệ

*. Nhà nghiên cứu, Nxb Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.

giữa các chất mà tự làm theo ý thích của mình nên từ đó con người sinh ra có giới tính (nam, nữ, ái nam, ái nữ) và tâm lí, tính tình, ước vọng... của mỗi con người khác nhau. Con người không ai giống ai, dù cùng một cha mẹ sinh ra cũng vậy.

Con người có 80 hồn (pét síp khuôn): 30 hồn phía trước, 50 hồn phía sau (*sam sip khuôn mang nả, hã síp khuôn mang lãng*). Nếu hồn ở vị trí nào đó trên cơ thể con người xich mích, tự ái thì con người sinh ra mệt mỏi, buồn phiền. Nếu hồn rời khỏi vị trí của nó thì con người sinh ra ốm đau. Hồn mà rời hết khỏi xác thì người chết. Hồn người chết gọi là *ma chết* (phi tai), hồn rời khỏi xác gọi là *ma hồn* (phi khuôn).

Hồn người chết chia làm 3 loại:

- Loại tốt nhất trở thành *đảm* tổ tiên, có nhiệm vụ trông coi, phù hộ, độ trì cho con cháu, được ăn giỗ, ăn tết hàng năm. Loại *đảm* này được rải ra ở 4 chỗ:

+ Ở bàn thờ trong nhà gọi là *đảm kuông hươn* - phi hươn - ma nhà.

+ *Đảm pa chu* - tổ tiên ở rừng ma.

+ *Đảm chuống kang* - tổ tiên ở không trung.

+ *Đảm doi* - tổ tiên ở trên trời.

- Loại hồn tốt thứ hai được lên *niết bàn* (liền pan) ở Mường Trời.

- Loại hồn xấu thì được rải từ rừng ma đến dưới *niết bàn* thành ma lang thang (phi ha phi háo).

Chính từ quan niệm trên mà dân tộc Thái thờ cúng nhiều ma (lai phi), các loại ma ấy - theo ông Hoàng Trần Nghịch -

nhà Thái học cho biết, còn lưu lại số sách cho đến ngày nay là 123 loại ma là:

1. Phi phạ, phi then - ma trên trời
2. Phi đen, phi nhả - ma đất, ma cỏ
3. Phi nặm, phi ta - ma nước, ma sông
4. Phi ngựak, phi ngú - ma thuồng luồng, ma rắn
5. Phi pá, phi pú - ma rừng, ma núi
6. Phi fua ka đao ví - ma trăng sao
7. Phi pháy phạ - ma lửa trời
8. Phi bản - ma bản
9. Phi mường - ma mường
10. Phi bu sá - ma giữ an ninh cho mường
11. Phi lác bản - ma cột bản
12. Phi lác mường - ma cột mường
13. Phi lác mặn - ma cột trụ của mường
14. Phi tu sửa - ma cửa ngõ mường
15. Phi tu nặm, tu ta - ma cửa sông, cửa suối
16. Phi đông sên - ma rừng cúng
17. Phi đông kám - ma rừng cấm
18. Phi pá heo - ma rừng ma
19. Phi đảm, phi hươn - ma nhà, ma tổ tiên ở nhà
20. Phi đảm, phi cha - tổ tiên ở rừng ma
21. Phi đảm chuống kang - tổ tiên ở không trung
22. Phi đảm doi - tổ tiên ở Mường Trời
23. Phi hươn ho - tổ tiên ở nhà nhỏ
24. Phi dạy - tổ tiên phụ trách nhân khẩu dân ông

25. Phi một - tổ tiên phụ trách nhân khẩu đàn bà
26. Phi một liệng - ma tổ tiên phụ trách an ninh
27. Phi một lão - ma thầy cúng đàn ông
28. Phi một nhính - ma thầy cúng đàn bà
29. Phi mốn - ma bùa, chài
30. Phi pú chựa - ma bên nội, tổ tiên bên nội
31. Phi ta nái - ma bên ngoại, tổ tiên bên ngoại
32. Phi lúng ta - ma tổ tiên đàn ông bên mẹ
33. Phi nhính sao - ma tổ tiên đàn bà bên bố
34. Phi póp - ma làm đau bụng
35. Phi póp díp - ma đau bụng khan
36. Phi póp đók - ma tiêu chảy
37. Phi póp đanh - ma đau bụng ra máu
38. Phi phống - ma cà rồng
39. Phi sa ngạn - ma cà rồng trắng trợn
40. Phi khuông - ma cửa khe, chân núi
41. Phi luông - ma to ở rừng
42. Phi khọk - ma hạn
43. Phi khớ - ma vận
44. Phi khớ ma - ma vận cúng chó
45. Phi khớ bẻ - ma vận cúng dê
46. Phi kẻ - ma cõi, ma giải
47. Phi kẻ khọk hươn - ma giải hạn nhà
48. Phi kẻ khọk ban - ma giải hạn bản
49. Phi kẻ khọk mường - ma giải hạn mường
50. Phi kẻ khọk kính - ma giải hạn người
51. Phi kẻ khọk kướt - ma giải hạn trẻ con
52. Phi pốt- ma tháo gỡ
53. Phi sôi - ma bắt tội
54. Phi chơi sôi - ma giảm tội
55. Phi tháy - ma chuộc tội
56. Phi hàng ken - ma ghen ghét
57. Phi ha khôi - ma đòi tội tở
58. Phi bản - ma đúc khuôn (bà mụ)
59. Phi panh bầu - ma chữa khuôn đúc hỗn
60. Phi pín bầu - ma xoay khuôn đúc hỗn
61. Phi mun bầu - ma kê khuôn đúc hỗn
62. Phi bun - ma phúc lành
63. Phi kó tén - ma tăng tiến
64. Phi chuông - ma người tình chết
65. Phi chuông luông - ma người tình đến quấy nhiễu
66. Phi ha, phi héo - ma dịch, ma toi
67. Phi ha hua mường - ma dịch đầu mường
68. Phi ha lả nằm - ma dịch cuối sông, suối
69. Phi ha kang tông - ma lang thang giữa đồng
70. Phi tai dák - ma chết đói
71. Phi tai - ma người chết
72. Phi tai phẫu hay lick - ma giữ hũ xương
73. Phi pái - ma đàn bà chết khi sinh đẻ
74. Phi pái đók - ma đàn bà chết có con trong bụng

75. Phi pái danh - ma đàn bà chết bị băng huyết
76. Phi pái đíp - ma đàn bà chôn sống
77. Phi kướn - ma trẻ con chết
78. Phi kướn ón - ma trẻ con chết non
79. Phi kướn danh - ma trẻ con chết còn đồ hồn
80. Phi kướn kán kóng - ma trẻ con chết khiêng đòn vồng
81. Phi kướn thóng hươn - ma người trung niên chết
82. Phi khừn sửa - ma khát cứng
83. Phi khừn hươn - ma người chết nhập tổ tiên
84. Phi dượng - ma bói áo
85. Phi mó - ma bói quẻ
86. Phi phún - ma cúng
87. Phi tế - ma tế
88. Phi nang đồng nang tau - ma lên đồng
89. Phi khuân - ma hồn (linh hồn)
90. Phi khuân đông - ma hồn lạc
91. Phi khuân chiệt - ma hồn bực
92. Phi khuân on - ma hồn buồn
93. Phi khuân phụng - ma hồn loạn
94. Phi khuân khỉ lủng - ma hồn sợ hãi
95. Phi khuân hay - ma hồn nường
96. Phi khuân ná - ma hồn ruộng
97. Phi khuân quái - ma hồn trâu
98. Phi khuân ú - ma hồn nói
99. Phi khuân đa - ma hồn dụ
100. Phi khuân sửa - ma hồn dèm
101. Phi khuân phá - ma hồn chẵn
102. Phi hình, phi háng - ma cản trở
103. Phi hươn học, hươn hang - ma nhà bỏ, nhà trống
104. Phi bản học, bản hựa - ma bản bỏ, bản hoang
105. Phi đông kín - ma âm phủ
106. Phi gia bôm, gia báí - ma bà già
107. Phi khí chạn - ma lười
108. Phi đon khỏi - ma làm chết đột ngột
109. Phi sanh sắc, sanh sưa - ma ánh lửa trận mạc
110. Phi bók káp - ma gió lốc
111. Phi quan sát - ma quan sát
112. Phi dệt khên - ma báo điểm
113. Phi sây, phi nao - ma ốm, ma rét
114. Phi sây ba - ma ốm trẻ con
115. Phi đó, phi điếng - ma cúng bái
116. Phi pên bả, pên mương - ma diên, ma đại
117. Phi bảu, phi chạ - ma đốt, ma ngu
118. Phi bịn - ma bay
119. Phi quang kọn - ma quăng cây
120. Phi tả đạm - ma đoạ
121. Phi tứ máu - ma nhập hồn
122. Phi âm - ma dè (bóng dè)
123. Phi kang kói - một loại ma thú rừng

II. NHỮNG TỤC THỜ CÚNG

Xưa kia người Thái không ăn tết, không có chùa chiền, đình đền, miếu mạo và cũng không quan tâm đến mồ mả.

Người chết chôn xong 3 hoặc trên 3 ngày, khi đã gọi hồn về nhập *đằm tổ tiên*

(au phi khừn hướn) thì thôi không dòm ngó, quan tâm đến mồ mả nữa.

Hàng năm mỗi gia đình Thái có 4 ngày cúng, giỗ lớn là:

1. Sên hướn - cúng ma nhà, giỗ tổ tiên
2. Pạt tống khẩu máu - giỗ cơm mới
3. Hổm sánh - chuẩn bị cho tổ tiên lên châu trời
4. Sên kẻ - cúng giải tội, giải hạn

Trong đời sống thường ngày, họ rất coi trọng ma nhà, ma tổ tiên và linh hồn - *phi hướn kắp phi khuân*. Vì vậy, cứ 10 ngày cúng tổ tiên 1 lần, tiếng Thái gọi là *Pat tống*; chủ nhà tuy không ốm đau nhưng hàng năm cũng cúng vía một, hai lần; mỗi khi con người sâu muộn, mệt mỏi, ốm đau người ta thường đi bói xem: hồn ra sao? ma nào đến đòi ăn? để có hình thức cúng cho phù hợp. Cũng chính vì thế, mà ông Hoàng Trần Nghịch kể một loạt các đầu sách bói, cúng như: 1. Lời bói tìm ma bằng áo; 2. Lời bói tìm ma bằng cây hoặc quả; 3. Lời bói tìm ma bằng soi nến; 4. Lời thầy cúng đàn bà; 5. Lời thầy cúng đàn ông; 6. Lời bói tìm ma bằng lăn trứng; 7. Sổ cúng các loại ma; 8. Sổ cúng tổ tiên các dòng họ; 9. Hệ thống sổ cúng vía; 10. Hệ thống sổ tế thân; 11. Hệ thống sổ tìm thần gọi vía; 12. Lời tìm thần gọi vía dưới trần gian; 13. Lời tìm thần gọi vía mừng trời; 14. Lời tìm hồn lạc; 15. Hệ thống lời cúng vía: người, trâu, ruộng nương...; 16. Hệ thống cúng giải hạn: cho người, cho nhà, cho bản, cho mừng; 17. Hệ thống cúng giải vận; 18. Hệ thống cúng cầu xin: cầu xin có con, cầu giàu sang phú quý, cầu mạnh khỏe sống lâu...; 19. Sổ tiễn hồn người chết lâu đời; 20. Lời cúng cơm người chết; 21. Lời

khóc đưa ma; 22. Lời rải hồn từ rừng ma lên tới niết bàn lớn; 23. Tục đám tang; 24. Tục đám cưới; 25. Tục tế bản, cúng mừng; 26. Hệ thống sổ xem ngày tốt, xấu; 27. Sổ xem vận mệnh; 28. Sổ xem tuổi làm nhà; 29. Những lời bùa, chài, ma thuật.

Từ các loại sách cúng, bói trên và với 123 loại ma mà người Thái có tới 46 tên các loại cúng giỗ lớn như:

1. Sên hướn - cúng ma nhà, giỗ tổ
2. Sên bản, sên mừng - cúng bản, cúng mừng
3. Sên khuân - cúng hồn cúng vía
4. Sên kẻ khọk bản - cúng giải hạn cho bản
5. Sên khuân pang phươn - cúng hồn cả nhà
6. Sên khuân páo rắng lam - cúng hồn báo bà mụ
7. Sên hăng khuân - cúng động viên hồn
8. Sên kẻ - cúng giải hạn cho tổ tiên
9. Sên kẻ khọk bản - cúng giải hạn cho bản
10. Sên kẻ khọk mừng - cúng giải hạn cho mừng
11. Sên kẻ khọk hướn - cúng giải hạn cho gia đình
12. Sên kẻ khọk kính - cúng giải hạn cho cá nhân
13. Sên kẻ khọk kướn - cúng giải hạn cho trẻ em
14. Sên khớ - cúng giải vận
15. Sên khớ ma - cúng giải vận mồ chó
16. Sên khớ bẻ - cúng giải vận mồ dê

17. Sên chuông - cúng ma người tình quá nhiều

18. Sên chuông lương - Sên phần bẻ - cúng ma người tình quá nhiều, chém dẽ sống.

19. Sên cha - cúng cầu may cho gia đình

20. Sên tống ký - cúng cầu phúc cho cộng đồng

21. Sên pốt - cúng giải oan, giải ác

22. Sên sọi - cúng giải tội, giải tà

23. Sên chơi sọi - cúng cho tội qua, hoá biến

24. Sên bầu - cúng bà mẹ, cúng khuôn đúc

25. Sên panh bầu - cúng sữa khuôn đúc hỗn

26. Sên pín bầu - cúng xoay lại khuôn đúc hỗn

27. Sên mun bầu - cúng kê lại khuôn đúc hỗn

28. Sên tháy - cúng chuộc lấy hỗn.

29. Sên ténh lằm mứa bầu - cúng cầu bà mẹ phù hộ

30. Sên pước pái - cúng tà ma phụ nữ chết khi sinh đẻ

31. Sên pước póp - cúng tà ma đau bụng

32. Sên pước phống - cúng ma cà rồng

33. Sên phần ma - cúng ma rừng, chém chó sống

34. Sên so lụk - cúng xin có con

35. Sên so hăng, so mí - cúng xin giàu sang phú quý

36. Sên so nặm, so dím - cúng xin mạnh khoẻ, sống lâu

37. Sên kó tén - cúng xin tăng tiến

38. Sên bun - cúng xin phúc lành

39. Sên sống hồng - cúng tà ma ghen ghét

40. Sên sống khỏi - cúng đưa tội tố cho trời

41. Sên liệng kắm lệt - cúng Cẩm Lệt

42. Sên phi hay, phi ná - cúng ma ruộng, ma nương

43. Sên phi khứa sữa - cúng trả khát

44. Sên pang phươn - cúng cho gia đình yên ổn

45. Sên chút mát hạt hợn - cúng ốm đau đột xuất

46. Sên lầu nó - cúng tổng kết thường kì của thầy cúng

Tóm lại, qua số lượng ma (phi), hồn (khoản) và các loại cúng giỗ lớn ở người Thái, ta thấy hệ thống tín ngưỡng của dân tộc này vô cùng phức tạp và đa dạng. Việc đồng bào thờ cúng thờ, việc đồng bào cúng cứ cúng bằng cách và theo quan niệm của mình. Còn các nhà khoa học thì mới chỉ tập trung nghiên cứu nguồn gốc lịch sử tộc người, hình thái kinh tế... các nhà văn hoá thì sưu tầm truyện thơ, truyện cổ tích, dân ca tục ngữ... tất cả đều quan trọng, đều cần thiết. Song còn "văn hoá tâm linh" của dân tộc này vốn có từ xa xưa và đang diễn ra từng ngày từng giờ trong cuộc sống của họ thì lại không được các nhà khoa học, nhà văn hoá nghiên cứu để chỉ dẫn cho đồng bào biết cái hay, cái dở trong sinh hoạt tín ngưỡng của mình. Bởi thế, niềm tin của đồng bào vào thần linh, ma quỷ vẫn có điều kiện để tồn tại và phát triển, gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực trong đời sống thường

ngày của đồng bào Thái nói riêng và của đồng bào các dân tộc miền núi phía Bắc nói chung. Thảm kịch xảy ra đêm 20/10/1993 tại bản Pá Hẹ, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La bằng một cuộc tự sát tập thể của 53 người được xem là một trong những thảm kịch lớn nhất trong lịch sử tôn giáo và tín ngưỡng ở nước ta. Thảm họa này xảy ra cách đây hơn 10 năm, nhưng ai dám chắc rằng thảm họa tương tự sẽ không xảy ra nếu như trình độ dân trí của đồng bào không được nâng cao, sinh hoạt tín ngưỡng của đồng bào không được định hướng theo hướng xoá bỏ dần các phong tục lạc hậu, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc mình, hội nhập với các trào lưu văn hoá tiến bộ của các dân tộc anh em trong nước, trong khu vực và thế giới.

III. VÀI ĐIỀU NHẬN XÉT

. Vấn đề tín ngưỡng của dân tộc Thái là vấn đề không nhỏ và đương nhiên không kém phần phức tạp. Thế nhưng các nhà khoa học nước ta, ngay cả các

nhà Thái học, đều chưa quan tâm nghiên cứu đúng mức và xem nó như một vấn đề khoa học quan trọng.

. Tín ngưỡng của dân tộc Thái phản ánh những quan niệm nhận thức của họ về cõi thực cõi hư trong cuộc sống con người. Điều đó được ghi nhận qua hàng loạt các loại sách bói, cúng bằng chữ Thái cổ hiện còn lưu giữ trong cộng đồng .

. Vấn đề tín ngưỡng của dân tộc Thái phong phú và phức tạp hơn nhiều so với các dân tộc khác ở Việt Nam. Riêng về ma đã có tới 123 loại với 46 loại cúng giỗ lớn được ghi lại bằng sách hản hoi. Điều thú vị này chắc hẳn không một dân tộc nào ở Việt Nam có.

. Đây là vấn đề khoa học phức tạp nhưng cũng đầy lí thú. Các nhà khoa học cần quan tâm nghiên cứu hơn nữa, chỉ ra những điều hay, những điều dở cho dân tộc Thái nói riêng và các dân tộc ở Việt Nam nói chung để học tập những điều tốt, tránh những điều xấu khi vận dụng vào cuộc sống của họ./.